

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TRÀNG THI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17/11/1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29/4/1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/5/1993. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company.

Địa chỉ Công ty: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bùi Trọng Dân	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 05/12/2019)
Lê Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 05/12/2019)
Lê Anh Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/01/2020)
Vũ Trọng Tuấn	Thành viên
Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/01/2020)
Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/08/2019)
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/08/2019, miễn nhiệm ngày 14/01/2020)
Đoàn Mạnh Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/01/2020)

Ban kiểm soát

Trần Tiến Đức	Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 20/01/2020)
Hoàng Oanh Tuyết	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 15/08/2019)
Trần Huệ Linh	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 15/08/2019, miễn nhiệm ngày 14/01/2020)
Nguyễn Thị Hồng Bưởi	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 14/01/2020)
Trần Quyết Thắng	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 14/01/2020)
Đặng Hoài Anh	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 14/01/2020)
Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 14/01/2020)

Ban Giám đốc

Vũ Trọng Tuấn	Giám đốc
Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Giám đốc
Chử Đức Toàn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Quỳnh	Kế toán trưởng
------------------	----------------

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Văn phòng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành, *r*



Vũ Trọng Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Số: 357/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPvề báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Văn phòng Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 27/2019/AACHN-BCKT vào ngày 20 tháng 03 năm 2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue ink handwritten signature.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM của Chủ tịch Hội đồng thành viên ngày 02/01/2020

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Global Network.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẢNG THỊ

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.240.216.853	36.740.195.712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.108.231.045	5.345.613.631
1. Tiền	111		9.108.231.045	2.345.613.631
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.5	12.800.000.000	19.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.800.000.000	19.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.781.159.322	11.721.610.371
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.110.448.000	1.363.333.956
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	15.232.199.200	253.810.130
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		3.904.860.817	2.197.890.019
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	5.000.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.533.651.305	2.906.576.266
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	23.409.091	23.409.091
1. Hàng tồn kho	141		23.409.091	23.409.091
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		527.417.395	649.562.619
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	23.989.388	44.480.173
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	503.428.007	605.082.446
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.869.828.180	130.549.067.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.517.421.360	23.541.956.903
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	90.000.000	90.000.000
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		22.327.421.360	23.351.956.903
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	100.000.000	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		52.938.222.566	56.563.864.604
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	38.173.355.540	41.470.478.378
- Nguyên giá	222		72.750.385.817	72.750.385.817
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.577.030.277)	(31.279.907.439)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	14.764.867.026	15.093.386.226
- Nguyên giá	228		16.430.097.266	16.430.097.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.665.230.240)	(1.336.711.040)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	10.524.620.535	9.947.155.346
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.524.620.535	9.947.155.346
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.5	23.119.867.596	23.119.867.596
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		23.119.867.596	23.119.867.596
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.769.696.123	17.376.222.701
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	14.769.696.123	17.376.222.701
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		174.110.045.033	167.289.262.862

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		20.698.134.483	18.356.485.119
I. Nợ ngắn hạn	310		11.567.472.516	9.008.337.998
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	74.964.078	31.600.663
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		282.333.032	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.161.229.969	4.059.258.205
4. Phải trả người lao động	314		276.909.529	662.367.330
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.463.670.959	1.458.164.537
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	401.615.487	436.836.396
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.900.859.525	2.292.836.414
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.889.937	67.274.453
II. Nợ dài hạn	330		9.130.661.967	9.348.147.121
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13	2.952.861.967	3.074.074.087
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	6.177.800.000	6.274.073.034
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		153.411.910.550	148.932.777.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	153.411.910.550	148.932.777.743
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.538.642.748	7.538.642.748
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.092.952.818	1.092.952.818
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.780.314.984	5.301.182.177
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.492.173	277.473.826
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.734.822.811	5.023.708.351
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		174.110.045.033	167.289.262.862

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	30.220.513.406	18.790.612.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		30.220.513.406	18.790.612.093
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	23.866.509.010	10.683.747.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		6.354.004.396	8.106.864.131
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	6.566.900.560	2.567.498.176
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.19	11.810.059	107.340.712
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	10.900.279.924	12.063.674.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.008.814.973	(1.496.653.031)
11. Thu nhập khác	31	5.20	1.122.125.686	1.201.640.722
12. Chi phí khác	32	5.21	494.521.379	1.756.286.916
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		627.604.307	(554.646.194)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.636.419.280	(2.051.299.225)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	216.303.855	360.304.656
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		2.420.115.425	(2.411.603.881)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

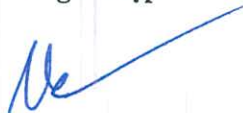
Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.636.419.280	(2.051.299.225)
2. Điều chỉnh cho các khoản			(2.942.349.431)	1.058.143.616
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.625.642.038	3.625.641.792
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.567.991.469)	(2.567.498.176)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(305.930.151)	(993.155.609)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.359.238.969)	2.441.271.344
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(23.409.091)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.743.848.714	11.053.774.822
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.627.017.363	2.707.909.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.052.411.303)	(711.972.998)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.267.074.520)	(3.564.405.916)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.613.788.866)	10.910.011.804
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(577.465.189)	(692.668.839)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.300.000.000)	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.500.000.000	32.553.581.326
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.992.780.560	925.538.176
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.616.406.280	(7.213.549.337)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.240.000.000)	(4.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.240.000.000)	(4.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.762.617.414	(353.537.533)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.345.613.631	5.699.151.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	9.108.231.045	5.345.613.631
(70 = 50+60+61)				

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập



Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Quỳnh

Giám đốc




Vũ Trọng Tuấn

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17/11/1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29/4/1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/5/1993. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 135.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Tên Công ty bằng tiếng Anh: Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM), mã chứng khoán: T12.

Địa chỉ Công ty: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ các hàng hóa tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật tư, hóa chất, thiết bị, phương tiện phục vụ mọi nhu cầu của thị trường;
- Làm đại lý cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước;
- Tổ chức sản xuất, gia công, dịch vụ sửa chữa các đồ dùng điện tử, điện lạnh, phương tiện, đồ điện;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh khách sạn, cho thuê văn phòng đại diện và các dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để mở rộng các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, sản xuất, dịch vụ của Doanh nghiệp;
- Xuất khẩu: hàng thủ công mỹ nghệ (sành sứ, mây tre đan, đồ gỗ), hàng may mặc, hàng công nghiệp nhẹ, hàng nông sản, thủy sản, các loại hóa chất Công nghiệp, hóa chất thực phẩm, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghiệp, rượu sản xuất trong nước;
- Nhập khẩu: vật tư, nguyên liệu, hóa chất và thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng (xe đạp, xe máy, phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe máy), hàng điện tử, dân dụng, hàng điện lạnh, vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, hàng thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, khoáng sản;
- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, gas, khí đốt; Vận chuyển khách phục vụ thăm quan, du lịch;
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đại lý thu đổi ngoại tệ; In lưới thủ công, may, thêu; Kinh doanh hoạt động luyện tập thể dục thể thao (câu lạc bộ); Trưng giữ ô tô, xe máy, xe đạp./.

Hoạt động chính trong năm của Văn phòng công ty: Cho thuê nhà, hợp tác kinh doanh và làm dự án.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có đơn vị phụ thuộc như sau:

1. Trung tâm Thương mại Dịch vụ 10B Tràng Thi;
2. Trung tâm Kinh doanh Bán buôn;
3. Trung tâm Kinh doanh Cát Linh;
4. Trung tâm Kinh doanh Tràng Thi;
5. Trung tâm Kinh doanh 24 Thuốc Bắc;
6. Trung tâm Kinh doanh Đông Anh;
7. Xí nghiệp Sửa chữa Cơ - Điện - Lạnh;
8. Trung tâm Kinh doanh Thanh Trì.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẢNG THỊ

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Văn phòng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Văn phòng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Văn phòng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Văn phòng Công ty. Các khoản khác mà Văn phòng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Tại ngày 31/12/2019, Văn phòng Công ty không có các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phải trích lập dự phòng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Văn phòng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Văn phòng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và tài sản cố định vô hình

Văn phòng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính *sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.*

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Văn phòng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Văn phòng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Văn phòng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Văn phòng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Văn phòng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THỊ

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Văn phòng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Văn phòng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Văn phòng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	5.958.854	443.621.215
Tiền gửi ngân hàng	9.102.272.191	1.901.992.416
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Tổng	9.108.231.045	5.345.613.631

Các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng.

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	6.110.448.000	1.363.333.956
Công ty Cổ phần đầu tư và du lịch Thiên Sơn	6.008.448.000	1.261.333.956
Đối tượng khác	102.000.000	102.000.000
<i>Đối tượng khác</i>	<i>102.000.000</i>	<i>102.000.000</i>
Tổng	6.110.448.000	1.363.333.956

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	15.232.199.200	253.810.130
Công ty CP Điện Cơ Thống Nhất	15.000.000.000	-
Đối tượng khác	232.199.200	253.810.130
Dài hạn	90.000.000	90.000.000
Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng	90.000.000	90.000.000
Tổng	15.322.199.200	343.810.130

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi bán	23.409.091	-	23.409.091	-
Tổng	23.409.091	-	23.409.091	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THỊ

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trăng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	12.800.000.000	12.800.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
	12.800.000.000	12.800.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	23.119.867.596	-	23.119.867.596	(*)
Công ty CP Đầu tư TM Dịch vụ Xuân Thủy	6.457.320.775	-	6.457.320.775	-
	16.662.546.821	-	16.662.546.821	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.6 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	2.533.651.305	-	2.906.576.266	-
Phải thu khác	1.054.108.294	-	740.112.230	-
	1.479.543.011	-	2.166.464.036	-
Công ty CP TMDV Nghĩa Đô				
Đội tượng khác	1.479.543.011	-	425.880.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Tổng	2.633.651.305	-	3.006.576.266	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trăng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	62.258.116.033	9.591.294.044	900.975.740	72.750.385.817
Số dư cuối năm	62.258.116.033	9.591.294.044	900.975.740	72.750.385.817
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	26.564.624.348	3.949.101.849	766.181.242	31.279.907.439
<i>Tăng trong năm</i>	2.402.268.883	823.362.875	71.491.080	3.297.122.838
Khấu hao trong năm	2.402.268.883	823.362.875	71.491.080	3.297.122.838
Số dư cuối năm	28.966.893.231	4.772.464.724	837.672.322	34.577.030.277
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	35.693.491.685	5.642.192.195	134.794.498	41.470.478.378
Tại ngày cuối năm	33.291.222.802	4.818.829.320	63.303.418	38.173.355.540

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 811.418.735 đồng

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>	74.964.078	74.964.078	31.600.663	31.600.663
Công ty CP Khảo sát địa chính & Đo đạc bản đồ Hà Nội	32.446.500	32.446.500	-	-
Công ty TNHH Cơ Khí Minh Tân	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	5.000.000	5.000.000	-	-
Đối tượng khác	27.517.578	27.517.578	21.600.663	21.600.663
Tổng	74.964.078	74.964.078	31.600.663	31.600.663

Đơn vị tính: VND

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

<u>Khoản mục</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	16.430.097.266	16.430.097.266
Số dư cuối năm	16.430.097.266	16.430.097.266
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.336.711.040	1.336.711.040
Khấu hao trong năm	328.519.200	328.519.200
Số dư cuối năm	1.665.230.240	1.665.230.240
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	15.093.386.226	15.093.386.226
Tại ngày cuối năm	14.764.867.026	14.764.867.026

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	10.524.620.535	9.947.155.346
Dự án 47 Cát Linh	10.524.620.535	9.947.155.346
Tổng	10.524.620.535	9.947.155.346

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	23.989.388	44.480.173
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	23.989.388	44.480.173
<i>Dài hạn</i>	14.769.696.123	17.376.222.701
Giá trị lợi thế kinh doanh	14.508.212.904	16.995.335.112
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	261.483.219	380.887.589
Tổng	14.793.685.511	17.420.702.874

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Năm 2019			31/12/2019
	01/01/2019	Số phát sinh trong năm	Số thực nộp trong năm	
Phải nộp	4.059.258.205	19.693.725.815	18.591.754.051	5.161.229.969
Thuế GTGT	294.192.317	3.013.243.635	3.066.838.075	240.597.877
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	434.516.285	434.516.285	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	869.032.572	869.032.572	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	611.957.442	2.145.203.675	1.052.411.303	1.704.749.814
Thuế Thu nhập cá nhân	93.201.368	429.213.185	371.232.185	151.182.368
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.059.907.078	12.778.516.463	12.773.723.631	3.064.699.910
Thuế khác	-	24.000.000	24.000.000	-
Phải thu	605.082.446	141.828.740	40.174.301	503.428.007
Thuế khác	605.082.446	141.828.740	40.174.301	503.428.007

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	401.615.487	436.836.396
Doanh thu cho thuê nhà và doanh thu khác	401.615.487	436.836.396
Dài hạn	2.952.861.967	3.074.074.087
Doanh thu cho thuê nhà và doanh thu khác	2.952.861.967	3.074.074.087
Tổng	3.354.477.454	3.510.910.483

5.14 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	2.900.859.525	2.292.836.414
Kinh phí công đoàn	-	3.680.655
Bảo hiểm xã hội	(2.401.475)	(663.050)
Phải trả khác	2.903.261.000	2.289.818.809
Dài hạn	6.177.800.000	6.274.073.034
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.177.800.000	6.039.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	234.773.034
Tổng	9.078.659.525	8.566.909.448

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trăng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15 Vốn chủ sở hữu

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	
				chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2018	135.000.000.000	7.538.642.748	489.459.442	6.137.953.953	149.166.056.143
Tăng trong năm	-	-	603.493.376	5.023.708.351	5.627.201.727
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.023.708.351	5.023.708.351
Tăng khác	-	-	603.493.376	-	603.493.376
Giảm trong năm	-	-	-	5.860.480.127	5.860.480.127
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	603.493.376	603.493.376
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.206.986.751	1.206.986.751
Chia cổ tức	-	-	-	4.050.000.000	4.050.000.000
Tại ngày 31/12/2018	135.000.000.000	7.538.642.748	1.092.952.818	5.301.182.177	148.932.777.743
Tại ngày 01/01/2019	135.000.000.000	7.538.642.748	1.092.952.818	5.301.182.177	148.932.777.743
Tăng trong năm	-	-	-	9.734.822.811	9.734.822.811
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.734.822.811	9.734.822.811
Giảm trong năm	-	-	-	5.255.690.004	5.255.690.004
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.205.690.004	1.205.690.004
Chia cổ tức	-	-	-	4.050.000.000	4.050.000.000
Tại ngày 31/12/2019	135.000.000.000	7.538.642.748	1.092.952.818	9.780.314.984	153.411.910.550

a. Chi tiêu vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	135.000.000.000	135.000.000.000
Tổng	135.000.000.000	135.000.000.000

4/1/2020
 BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000
Phân phối lợi nhuận	5.255.690.004	5.860.480.127

c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.092.952.818	1.092.952.818

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>30.220.513.406</i>	<i>18.790.612.093</i>
Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	30.220.513.406	18.790.612.093
Tổng	30.220.513.406	18.790.612.093

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23.866.509.010	10.683.747.962
Tổng	23.866.509.010	10.683.747.962

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẢNG THỊ

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.925.300.560	925.538.176
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.641.600.000	1.641.960.000
Tổng	6.566.900.560	2.567.498.176

5.19 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>10.900.279.924</i>	<i>12.063.674.626</i>
Chi phí nhân viên quản lý	6.026.959.695	6.577.607.190
Chi phí vật liệu quản lý	61.923.119	77.146.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.663.800	319.663.800
Phân bổ lợi thế kinh doanh	2.487.122.208	2.487.122.196
Chi phí khác bằng tiền	2.004.611.102	2.602.134.799
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>11.810.059</i>	<i>107.340.712</i>
Chi phí khác bằng tiền	11.810.059	107.340.712
Tổng	10.912.089.983	12.171.015.338

5.20 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu từ thanh lý tài sản	1.090.909	-
Thu nhập khác	1.121.034.777	1.201.640.722
Tổng	1.122.125.686	1.201.640.722

5.21 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị còn lại TSCĐ, chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.763.636
Các khoản khác	494.521.379	1.754.523.280
Tổng	494.521.379	1.756.286.916

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	216.303.855	360.304.656
Tổng	216.303.855	360.304.656

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẢNG THỊ

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.923.119	77.146.641
Chi phí nhân công	6.026.959.695	6.577.607.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.584.915.846	1.640.296.400
Phân bổ lợi thế kinh doanh	2.487.122.208	2.487.122.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.492.325.553	9.038.592.973
Chi phí khác bằng tiền	15.125.352.572	3.033.997.900
Tổng	34.778.598.993	22.854.763.300

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Văn phòng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

6.2 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan*Danh sách các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>1.641.600.000</i>	<i>1.641.960.000</i>
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	-	547.560.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	1.641.600.000	1.094.400.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị: thù lao và thu nhập khác	612.569.500	687.109.504
Ban kiểm soát: thù lao và thu nhập khác	237.326.633	367.179.569
Ban Điều hành: lương và thu nhập khác	1.985.907.056	1.961.214.844
Tổng	2.835.803.189	3.015.503.917

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>	<i>1.641.600.000</i>	<i>2.067.480.000</i>
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	-	425.880.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	1.641.600.000	1.641.600.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẢNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn